

# AVARINO

## THÀNH PHẦN

Mỗi viên nang mềm chứa:

**Hoạt chất:**

Simethicone.....	300	mg
Alverine citrate.....	60	mg

**Tá dược:** Silicon dioxide, Gelatin, Glycerin, nước tinh khiết, oxyd sắt vàng, xanh Brilliant, oxyd sắt đen, titanium dioxide.

## ĐƯỢC LỰC HỌC:

Đặc tính của thuốc Avarino là nhờ vào sự phối hợp giữa alverine citrate, một thuốc chống co thắt hướng cơ và simethicone, một silicone lỏng được làm giàu lên bởi các tiểu phân silica mịn. Alverine citrate ức chế tác dụng của các tác nhân gây co cơ trơn. Simethicone tạo một lớp phim bảo vệ, có tác dụng giảm đầy hơi và trướng bụng. Nhờ vào tác dụng chống tạo bọt và chống thấm ướt, simethicone làm giảm đầy bụng gây bởi bọt khí, tác dụng này được tăng cường bởi sự hiện diện của silica.

## ĐƯỢC ĐỘNG HỌC:

**Simethicone:** Là một chất trơ về mặt sinh lý học, nó không bị hấp thu vào đường tiêu hóa hoặc không ảnh hưởng đến sự tiết dịch trong dạ dày, cũng như không gây cản trở hấp thu các chất dinh dưỡng. Sau khi dùng đường uống, thuốc được thải trừ ra phân dưới dạng không đổi.

**Alverine citrate:** Sau khi uống, Alverine citrate được hấp thu bằng đường tiêu hóa và nhanh chóng chuyển hóa thành chất có hoạt tính. Nồng độ đỉnh trong huyết tương sau khi dùng liều uống đạt được từ 1 đến 1,5 giờ. Sau đó, được chuyển hóa thành các chất không còn hoạt tính và được thải trừ ra nước tiểu bằng bài tiết tích cực ở thận.

## CHỈ ĐỊNH:

Điều trị triệu chứng rối loạn tiêu hóa như hội chứng ruột kích thích và những triệu chứng khó chịu ở bụng (đầy hơi, trướng bụng, cảm giác khó tiêu, bị ãp và căng, đau ở vùng thượng vị).

## LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Người lớn: 1 viên/ lần, uống 1-3 lần mỗi ngày, sau khi ăn hoặc theo sự chỉ dẫn của Bác sĩ.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Bệnh nhân bị tắc ruột hay liệt ruột.

Phụ nữ có thai và cho con bú, trẻ em dưới 12 tuổi.

## THẬN TRỌNG:

Bệnh nhân huyết áp thấp không nên dùng thuốc này.

## TÁC DỤNG PHỤ:

Một số tác dụng phụ đã được báo cáo như buồn nôn, đau đầu, ngứa, phát ban, chóng mặt và hạ huyết áp hoặc giảm áp lực máu tạm thời.

Ngoài ra, cũng có thể xảy ra trường hợp dị ứng, kể cả quá mẫn.

*Thông báo cho bác sĩ các tác dụng phụ gặp phải khi dùng thuốc.*

## TƯƠNG TÁC THUỐC:

Chưa có báo cáo về tương hợp tương tác với các thuốc khác.

Để tránh khả năng xảy ra tương tác, nên thông báo với bác sĩ hoặc dược sĩ các thuốc đang dùng khác.

## QUÁ LIỀU:

Hạ huyết áp và triệu chứng nhiễm độc giống atropine. Xử trí như khi ngộ độc atropine và biện pháp hỗ trợ điều trị hạ huyết áp.

## BẢO QUẢN:

Dưới 25°C ở nơi khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp.

**TIÊU CHUẨN:** Nhà sản xuất.

**HẠN DÙNG:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:** Hộp 3 vi x 10 viên, 5 vi x 10 viên, 6 vi x 10 viên, 10 vi x 10 viên.

## Lưu ý:

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.*

*Nếu cần thêm thông tin, xin vui lòng hỏi ý kiến Bác sĩ.*

*Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.*

*Không dùng thuốc nếu có bất kỳ dấu hiệu thay đổi bất thường nào về mặt cảm quan của thuốc.*

*Để xa tầm tay trẻ em.*

Sản xuất cho:

**MEGA LIFESCIENCES (AUSTRALIA) PTY. LTD.**

Victoria 3175, Australia

Bởi: **MEGA LIFESCIENCES Public Company Limited**

384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate,

Pattana 3 Road, Praeksa, Mueang,

Samutprakarn 10280, Thái Lan.